|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **LIÊN HIỆP QUỐC** | **CÔNG ƯỚC**  **VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT** | CRPD/C/VNM/CO/1 |
| _unlogo | Phân phối: Tổng quát  Ngày 28 tháng 4 năm 2025  Bản gốc: Tiếng Anh  Bản dịch: Tiếng Việt |

**UỶ BAN VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT**

**NHẬN XÉT và KHUYẾN NGHỊ về BÁO CÁO BAN ĐẦU CỦA VIỆT NAM**

[[1]](#footnote-2) I. Giới thiệu

* Ủy ban đã xem xét Báo cáo định kỳ đầu tiên của Việt Nam tại cuộc họp lần thứ 764 và 765, được tổ chức vào ngày 27 và 28 tháng 3 năm 2015. Ủy ban đã thông qua các nhận xét kết luận sau đây tại cuộc họp lần thứ 778, được tổ chức vào ngày 17 tháng 3 năm 2025.
* Ủy ban hoan nghênh báo cáo định kỳ đầu tiên của Việt Nam được lập theo hướng dẫn báo cáo của Ủy ban và để phản hồi danh sách các vấn đề trước khi báo cáo, cùng với thông tin bổ sung do Nhà nước thành viên đệ trình.
* Ủy ban đánh giá cao cuộc đối thoại hiệu quả và thẳng thắn/mang tính xây dựng với đoàn đại biểu, bao gồm đại diện của các bộ ngành liên quan của Chính phủ.

II. Mặt tích cực

* Ủy ban ghi nhận với sự trân trọng các biện pháp mà Nhà nước thành viên đã thực hiện để thực hiện Công ước, kể từ khi gia nhập Công ước vào năm 2015, cũng như việc thông qua và ban hành các nội dung sau đây:
* Thông tư 06/2024/TT-BXD ban hành QCVN 10:2024/BXD về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng tại Việt Nam (năm 2024);
* Phê chuẩn Hiệp ước Marrakesh nhằm tạo điều kiện tiếp cận các tác phẩm đã xuất bản cho những người mù, khiếm thị hoặc không có khả năng đọc chữ in (năm 2022);
* Ban hành Kế hoạch quốc gia thực hiện Công ước (năm 2016);
* Thành lập Ủy ban Quốc gia về Người khuyết tật (2015);
* Ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về Người khuyết tật (2021-2030).

III. Các lĩnh vực quan ngại chính và khuyến nghị

1. Nguyên tắc và nghĩa vụ chung (điều 1-4)
2. **Ủy ban quan ngại rằng:**
3. Luật pháp và chính sách quốc gia không kết hợp đầy đủ mô hình nhân quyền về khuyết tật và thay vào đó tiếp tục phản ánh cách tiếp cận dựa trên y tế và từ thiện, điều này duy trì sự phân biệt đối xử có hệ thống đối với người khuyết tật;
4. Việc thực hiện Công ước bị phân mảnh, dựa trên các điều khoản pháp lý cụ thể theo từng lĩnh vực, thiếu tính thống nhất và không đảm bảo tính bảo vệ toàn diện quyền của người khuyết tật trong mọi lĩnh vực của cuộc sống;
5. Các khái niệm chính của CRPD như “giao tiếp”, “ngôn ngữ”, “hỗ trợ hợp lý” và “thiết kế phổ quát” không được định nghĩa rõ ràng trong luật pháp quốc gia, dẫn đến việc áp dụng và thực thi không nhất quán;
6. Mặc dù Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định phải tham vấn với các nhóm bị ảnh hưởng, nhưng không có cơ chế chính thức nào đảm bảo sự tham gia có cấu trúc và liên tục của các tổ chức của người khuyết tật vào việc xây dựng, thực hiện và giám sát các luật và chính sách liên quan đến khuyết tật;
7. Việc giám sát và đánh giá việc thực hiện Công ước thiếu minh bạch, với ít thông tin công khai về tiến độ và cơ chế giải trình;
8. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ năm 2020 về hội nghị, hội thảo quốc tế đã khiến các tổ chức xã hội dân sự, tổ chức của người khuyết tật không trực thuộc các đoàn thể quần chúng của Nhà nước không thể thành lập và thực hiện các thủ tục liên quan;
9. Một số tổ chức của người khuyết tật phải đối mặt với sự đàn áp, bỏ tù hoặc trục xuất khỏi đất nước.
10. **Nhắc lại Bình luận chung số 7 (2018) về sự tham gia của người khuyết tật, bao gồm trẻ em khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ, trong việc thực hiện và giám sát Công ước, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
11. Tiến hành rà soát toàn diện tất cả các luật và chính sách liên quan đến khuyết tật để loại bỏ các yếu tố của mô hình y tế và đảm bảo phù hợp hoàn toàn với mô hình nhân quyền về khuyết tật;
12. Ban hành luật pháp bao trùm đảm bảo quyền của người khuyết tật một cách mạch lạc và toàn diện, đảm bảo tính nhất quán với các nguyên tắc và nghĩa vụ theo Công ước, đồng thời xây dựng chiến lược toàn diện để thực hiện;
13. Đưa ra các định nghĩa pháp lý rõ ràng về các khái niệm chính của Công ước, bao gồm “giao tiếp”, “ngôn ngữ”, “sự hỗ trợ hợp lý” và “thiết kế phổ quát” để tăng cường việc áp dụng chúng trong tất cả các luật và chính sách có liên quan;
14. Thiết lập các cơ chế chính thức và thể chế hóa để đảm bảo rằng những người khuyết tật, bao gồm những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội, đặc biệt là những người tự kỷ, người dân tộc thiểu số khuyết tật và trẻ em khuyết tật, cùng với các tổ chức đại diện của họ, được tham vấn có ý nghĩa và tích cực tham gia vào quá trình phát triển, thực hiện và giám sát mọi luật và chính sách liên quan đến khuyết tật;
15. Đảm bảo rằng việc giám sát và đánh giá việc thực hiện Công ước bao gồm sự tham gia của người khuyết tật và các tổ chức đại diện của họ, rằng kết quả được công khai theo những cách thức và phương pháp dễ tiếp cận, đồng thời đưa vào các quy trình giải trình.
16. Gỡ bỏ mọi trở ngại pháp lý hoặc bán pháp lý đối với việc thành lập các tổ chức của người khuyết tật, bất kể tổ chức đó có trực thuộc các tổ chức đoàn thể của Nhà nước hay không;
17. Đảm bảo các tổ chức người khuyết tật, bao gồm cả tổ chức tôn giáo, được đối xử tôn trọng và không bị bắt giữ hay trục xuất vì bảo vệ quyền lợi cộng đồng của họ.
18. **Ủy ban quan ngại rằng:**
19. Nhà nước thành viên vẫn chưa phê chuẩn Nghị định thư tùy chọn của Công ước.
20. **Ủy ban khuyến nghị rằng:**
21. Nhà nước thành viên phê chuẩn Nghị định thư tùy chọn của Công ước mà không trì hoãn.
22. Các quyền cụ thể (điều 5–30)

**Bình đẳng và không phân biệt đối xử (điều 5)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Trong khi khuôn khổ pháp lý cấm phân biệt đối xử với người khuyết tật, việc thực thi vẫn chưa nhất quán, hạn chế hiệu quả của các biện pháp bảo vệ chống phân biệt đối xử;
3. Các hình phạt đối với hành vi phân biệt đối xử với người khuyết tật không đủ để có tác dụng răn đe hiệu quả;
4. Sự phân biệt đối xử vẫn tiếp diễn đối với các nhóm thiểu số như người khuyết tật dân tộc thiểu số, những người bị khuyết tật sau chiến tranh và người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội, cũng như người tự kỷ;
5. **Ủy ban nhắc lại bình luận chung số 6 (năm 2018) và mục tiêu 10.2 và 10.3 của Mục tiêu Phát triển Bền vững, đồng thời khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
6. Tăng cường thực thi luật chống phân biệt đối xử bằng cách đảm bảo các cơ chế hiệu quả để báo cáo, điều tra và giải quyết các trường hợp phân biệt đối xử;
7. Tăng hình phạt đối với hành vi phân biệt đối xử với người khuyết tật để có tác dụng răn đe mạnh hơn và bảo đảm các biện pháp khắc phục hiệu quả cho nạn nhân;
8. Sửa đổi luật để bao gồm rõ ràng các hành động nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử và trao quyền những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội, đặc biệt là những người tự kỷ, người khuyết tật dân tộc thiểu số và những người bị khuyết tật sau chiến tranh, áp dụng các biện pháp tiếp cận công lý phục hồi.

**Phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật (điều 6)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Bất chấp khuôn khổ pháp lý về bình đẳng giới, phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật vẫn tiếp tục phải chịu nhiều hình thức phân biệt đối xử đan xen nhau trong các lĩnh vực như việc làm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đời sống gia đình;
3. Không có đủ dữ liệu phân tích theo giới về sự tham gia của phụ nữ khuyết tật vào các quá trình ra quyết định chính trị, kinh tế và xã hội, đặc biệt là trong lãnh đạo, việc làm và tiếp cận các dịch vụ công;
4. Các chuẩn mực văn hóa về giới và khuyết tật gây cản trở các cuộc thảo luận về quyền và sức khỏe sinh sản và tình dục, đặc biệt là đối với phụ nữ độc thân, ngăn cản họ tìm kiếm thông tin;
5. Cơ hội trao quyền kinh tế cho phụ nữ khuyết tật vẫn còn hạn chế, đặc biệt là về mặt kinh doanh, đào tạo nghề và cơ hội việc làm.
6. **Ủy ban, nhắc lại bình luận chung số 3 (2016) về phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật và các mục tiêu 5.1, 5.2 và 5.5 của Mục tiêu Phát triển Bền vững, khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
7. Thực hiện các biện pháp cụ thể để giải quyết những rào cản đặc biệt mà phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật phải đối mặt khi tiếp cận giáo dục, việc làm, sống độc lập và các dịch vụ khác, đảm bảo họ được tham gia đầy đủ vào mọi khía cạnh của cuộc sống trên cơ sở bình đẳng với những người khác;
8. Cải thiện việc thu thập dữ liệu về phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, tập trung vào sự tham gia của họ vào vai trò lãnh đạo, việc làm của họ và việc tiếp cận các dịch vụ công của họ, đảm bảo rằng dữ liệu phân tách theo giới tính được đưa vào quá trình phát triển chính sách và chương trình;
9. Bảo đảm, thông qua các chính sách công, việc thúc đẩy sức khỏe tình dục và sinh sản cũng như quyền của phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, dù đã kết hôn hay chưa, giúp họ thực hiện các quyền này mà không bị cản trở do các chuẩn mực văn hóa;
10. Xây dựng các chương trình và chính sách hỗ trợ trao quyền kinh tế cho phụ nữ khuyết tật, bao gồm thông qua các cơ hội về kinh doanh, đào tạo nghề và các cơ hội việc làm toàn diện và dễ tiếp cận.

**Trẻ em khuyết tật (điều 7)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Mặc dù khuôn khổ pháp lý của Nhà nước thành viên bảo vệ trẻ em khuyết tật, vẫn còn nhiều rào cản đáng kể trong việc đảm bảo trẻ em tiếp cận giáo dục hòa nhập, các chương trình can thiệp sớm và các dịch vụ hỗ trợ cá nhân;
3. Trẻ em khuyết tật có nguy cơ bị lạm dụng, bỏ mặc và bóc lột cao hơn, nhưng thiếu dữ liệu toàn diện về vấn đề này và các hệ thống đảm bảo can thiệp và bảo vệ hiệu quả còn hạn chế;
4. Nhiều trẻ em khuyết tật được đưa vào cơ sở chăm sóc, điều này cản trở việc hòa nhập của các em vào cuộc sống gia đình và cộng đồng, trái với các nguyên tắc của Công ước;
5. Việc thiếu thông tin và công cụ truyền thông dễ tiếp cận ngăn cản trẻ em khuyết tật tham gia đầy đủ vào các quá trình ra quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của các em, bao gồm ở nhà, ở trường và trong cộng đồng;
6. Trẻ em khuyết tật, đặc biệt là trẻ em sống ở vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, thường thiếu sự tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.
7. **Nhắc lại tuyên bố chung với Ủy ban về Quyền trẻ em và Ủy ban về Quyền của người khuyết tật về quyền của trẻ em khuyết tật năm 2022, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
8. Thực hiện các bước để đảm bảo rằng tất cả trẻ em khuyết tật đều có quyền tiếp cận bình đẳng với giáo dục hòa nhập, các chương trình can thiệp sớm và các dịch vụ hỗ trợ cá nhân, cải thiện chất lượng các dịch vụ đó để giải quyết các nhu cầu đa dạng của trẻ;
9. Tăng cường thu thập dữ liệu về bạo lực, lạm dụng và bỏ mặc trẻ em khuyết tật, đảm bảo rằng dữ liệu toàn diện và phân tích được sử dụng để tăng cường các cơ chế bảo vệ và hỗ trợ các chương trình can thiệp hiệu quả;
10. Thúc đẩy việc chăm sóc dựa trên gia đình và hòa nhập cộng đồng thay vì đưa vào các trung tâm bằng cách xây dựng các chính sách cung cấp hỗ trợ đầy đủ cho trẻ em khuyết tật và gia đình của các em, đảm bảo quyền được sống và phát triển trong cộng đồng của các em;
11. Đảm bảo rằng trẻ em khuyết tật, bao gồm trẻ em khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số, có quyền tiếp cận thông tin và các công cụ giao tiếp dễ tiếp cận giúp các em có thể tham gia vào quá trình ra quyết định ở cấp độ gia đình, trường học và cộng đồng, phù hợp với năng lực đang phát triển của các em;
12. Cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em khuyết tật, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, bằng cách tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chuyên biệt, dịch vụ phục hồi chức năng và thiết bị hỗ trợ, đồng thời làm cho các dịch vụ này có chi phí hợp lý và dễ tiếp cận với tất cả trẻ em khuyết tật.

**Nâng cao nhận thức (điều 8)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Mặc dù đã có các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền của người khuyết tật, nhưng việc đánh giá hiệu quả của các chiến dịch này trong việc giảm kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn còn hạn chế;
3. Các chiến dịch nâng cao nhận thức thường được thực hiện thông qua các phương tiện truyền thông truyền thống như truyền hình, radio, báo chí hoặc áp phích, có thể không phải tất cả người khuyết tật đều có thể tiếp cận được, đặc biệt là những người bị khiếm khuyết về giác quan hoặc nhận thức và người khuyết tật dân tộc thiểu số;
4. Nhận thức về quyền của người khuyết tật chủ yếu được thúc đẩy vào các ngày người khuyết tật Quốc gia, nhưng không được đưa vào chương trình giáo dục và phương tiện truyền thông chính thống thường xuyên;
5. Mặc dù có những nỗ lực nâng cao nhận thức về Công ước thông qua Kế hoạch quốc gia thực hiện CRPD, nhiều người khuyết tật, đặc biệt là những người ở vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa và người khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số vẫn không biết về các quyền của họ theo Công ước;
6. Mặc dù Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các tổ chức người khuyết tật tổ chức các sự kiện nâng cao nhận thức, nhưng nguồn lực tài chính và hậu cần hạn chế đang cản trở khả năng dẫn dắt hiệu quả của các tổ chức này trong các chiến dịch tiếp cận cộng đồng;
7. Mặc dù đã xuất bản 112 ấn phẩm liên quan đến khuyết tật, nhưng vẫn chưa rõ liệu những ấn phẩm này có thể tiếp cận được với những người khuyết tật về thị giác, trí tuệ hoặc thính giác và người khuyết tật dân tộc thiểu số hay không.
8. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên, thông qua tham vấn chặt chẽ và sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ, bao gồm các tổ chức của trẻ em khuyết tật, phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật:**
9. Thiết lập một cơ chế rõ ràng và có hệ thống để đánh giá hiệu quả của các chiến dịch nâng cao nhận thức của công chúng về quyền của người khuyết tật, đặc biệt là về tác động của chúng đối với việc giảm kỳ thị và phân biệt đối xử, và sử dụng các kết quả để cải thiện các chiến dịch trong tương lai;
10. Đảm bảo rằng tất cả các tài liệu nâng cao nhận thức cộng đồng, đều có thể tiếp cận được với người khuyết tật, bằng cách cung cấp phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu, chữ nổi, định dạng dễ đọc, ngôn ngữ bản địa như tiếng Khmer và đảm bảo khả năng tiếp cận kỹ thuật số cho tất cả các chiến dịch;
11. Tích hợp nhận thức về người khuyết tật vào các phương tiện truyền thông chính thống và chương trình giáo dục quanh năm, ngoài các ngày khuyết tật quốc gia, để thúc đẩy một xã hội hòa nhập và có thông tin đầy đủ;
12. Thực hiện các biện pháp toàn diện để đảm bảo rằng tất cả người khuyết tật, đặc biệt là những người ở vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa và người khuyết thật thuộc dân tộc thiểu số, được thông tin đầy đủ về các quyền của họ theo Công ước, bao gồm thông qua các sáng kiến dựa vào cộng đồng, các tổ chức địa phương và các nền tảng kỹ thuật số;
13. Cung cấp hỗ trợ tài chính và hậu cần cho các tổ chức của người khuyết tật để nâng cao năng lực của họ trong việc lãnh đạo hiệu quả các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng và các nỗ lực tiếp cận cộng đồng, đảm bảo việc tiếp cận được tất cả người khuyết tật và gia đình của họ;
14. Đảm bảo rằng tất cả các ấn phẩm liên quan đến khuyết tật, bao gồm cả các ấn phẩm do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội biên soạn, đều có sẵn ở các định dạng dễ tiếp cận đối với người khuyết tật về thị giác, trí tuệ và thính giác cũng như người khuyết tật dân tộc thiểu số, đồng thời mở rộng việc phân phối các nguồn lực đảm bảo việc tiếp cận được nhiều đối tượng hơn.

**Khả năng tiếp cận (điều 9)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng :**
2. Một tỷ lệ đáng kể các tòa nhà công cộng, bao gồm các cơ sở chăm sóc sức khỏe, cơ sở giáo dục, địa điểm dịch vụ tư pháp và siêu thị, không đáp ứng các tiêu chuẩn về khả năng tiếp cận, cản trở sự tham gia đầy đủ của người khuyết tật trong các lĩnh vực này;
3. Việc cung cấp phương tiện giao thông công cộng có khả năng tiếp cận còn rất hạn chế, chỉ có một số ít xe buýt trên toàn quốc có khả năng tiếp cận, và chỉ một số thành phố có quy định về tỷ lệ xe tiếp cận;
4. Chỉ có một toa tàu có thể tiếp cận được ở Việt Nam và chỉ một số nhà ga xe lửa lớn có đường dốc lên phòng chờ, hạn chế khả năng tiếp cận đi tàu của người khuyết tật;
5. Mặc dù các sân bay đã được cải thiện khả năng tiếp cận, các sân bay địa phương nhỏ hơn vẫn thiếu các cơ sở vật chất cần thiết, ảnh hưởng đến việc đi lại bằng đường hàng không của người khuyết tật;
6. Là một quốc gia có hệ thống giao thông đường thủy lớn, Việt Nam chưa xem xét đến khả năng tiếp cận cho cả tàu vận tải và tàu du lịch;
7. Mặc dù Luật Người khuyết tật và Luật Công nghệ thông tin công nhận khả năng tiếp cận CNTT, việc thực hiện vẫn chưa nhất quán và nhiều trang web của chính phủ và dịch vụ kỹ thuật số không tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn về khả năng tiếp cận;
8. Đài truyền hình Việt Nam cung cấp chương trình hạn chế với phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu và phụ đề, và các kênh truyền thông khác không cung cấp khả năng tiếp cận cho người khuyết tật;
9. Nhiều thư viện cung cấp các dịch vụ tiếp cận hạn chế, một số thư viện cung cấp tài liệu chữ nổi Braille và văn bản thay thế nhưng không có khả năng tiếp cận đầy đủ vào tài liệu đọc, bao gồm cả đối với người khuyết tật dân tộc thiểu số;
10. Việc thực thi các tiêu chuẩn về khả năng tiếp cận vẫn chưa rõ ràng, với rất ít hình phạt được đưa ra đối với hành vi không tuân thủ các quy định và không có sự minh bạch trong việc phân bổ các khoản kinh phí thu được từ các hình phạt đối với hành vi vi phạm khả năng tiếp cận.
11. **Nhắc lại** [**bình luận chung số 2 (2014) về khả năng tiếp cận**](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CRPD/C/GC/2&Lang=en) **và Mục tiêu 9 cùng các mục tiêu 11.2 và 11.7 của Mục tiêu Phát triển Bền vững, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên, với sự tham vấn chặt chẽ và sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ:**
12. Thực hiện ngay các bước để tăng tỷ lệ công trình công cộng đáp ứng tiêu chuẩn tiếp cận, bao gồm cơ sở y tế, giáo dục, tư pháp và siêu thị, với thời gian biểu rõ ràng và cơ chế triển khai cụ thể;
13. Đẩy nhanh việc triển khai phương tiện giao thông công cộng dễ tiếp cận trên tất cả các tỉnh bằng cách tăng số lượng xe buýt, tàu hỏa và phương tiện dễ tiếp cận theo chiến lược toàn quốc;
14. Mở rộng các tính năng tiếp cận trên toàn bộ hệ thống đường sắt, đảm bảo tất cả các nhà ga và toa tàu đều có thể tiếp cận được hoàn toàn đối với người khuyết tật;
15. Thiết lập mốc thời gian rõ ràng để đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ tại tất cả các sân bay Việt Nam, đặc biệt tập trung vào các sân bay địa phương nhỏ hơn để đảm bảo khả năng tiếp cận bình đẳng với dịch vụ hàng không cho người khuyết tật;
16. Kinh nghiệm và khả năng tiếp cận vật lý và hỗ trợ cho việc lên và xuống tàu từ cả tàu vận tải và tàu du lịch;
17. Triển khai các cơ chế để thực thi các yêu cầu về khả năng truy cập và tăng cường hệ thống giám sát để đảm bảo tất cả các trang web của chính phủ và khu vực công, các dịch vụ kỹ thuật số và nền tảng trực tuyến tuân thủ các tiêu chuẩn về khả năng truy cập, bao gồm việc tiến hành kiểm toán thường xuyên và thiết lập các giao thức thực thi;
18. Tăng số lượng chương trình truyền hình có phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu và phụ đề trên các kênh truyền thông quốc gia và khu vực, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin bình đẳng cho tất cả người khuyết tật;
19. Triển khai chiến lược nhằm tăng số lượng sách và tài liệu đọc kỹ thuật số dễ tiếp cận trong thư viện, mở rộng định dạng chữ nổi và định dạng thay thế cho người khuyết tật, bao gồm người khuyết tật dân tộc thiểu số;
20. Cải thiện việc thực thi luật tiếp cận bằng cách đưa ra các hình phạt đối với hành vi không tuân thủ, theo dõi số lượng vi phạm và công bố báo cáo hàng năm về cách sử dụng kinh phí từ các hình phạt để hỗ trợ các hoạt động trợ giúp xã hội cho người khuyết tật.

**Quyền được sống (điều 10)**

1. **Ủy ban bày tỏ quan ngại**
2. Tính pháp lý và việc thực hiện án tử hình của Nhà nước thành viên, do cũng áp dụng đối với người khuyết tật, chưa quan tâm đến các giới hạn được ghi nhận bởi luật pháp quốc tế.
3. **Ủy ban kêu gọi:**
4. Nhà nước thành viên khẩn trương bãi bỏ án tử hình đối với người khuyết tật trí tuệ, người khuyết tật tâm lý xã hội và người tự kỷ, và ngay lập tức dừng việc áp dụng án tử hình đối với người khuyết tật, theo các giới hạn đã được thiết lập bởi luật pháp quốc tế. Ủy ban cũng khuyến nghị Nhà nước thành viên phê chuẩn Nghị định thư tùy chọn thứ hai của Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị nhằm bãi bỏ án tử hình.

**Tình huống rủi ro và tình trạng khẩn cấp nhân đạo (điều 11)**

1. **Ủy ban ghi nhận việc thành lập các Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của tỉnh. Tuy nhiên, Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Vẫn còn một số lỗ hổng trong quy định và thực hiện liên quan đến công tác phòng ngừa và quản lý thiên tai, cũng như việc giảm thiểu rủi ro thiên tai cho người khuyết tật và người khuyết tật cùng các tổ chức đại diện của họ chưa được đưa vào đầy đủ trong các quy trình này;
3. Ngôn ngữ giao tiếp và thông tin trong các tình huống rủi ro vẫn chưa được xác định và các nhóm mục tiêu, bao gồm cả những người khuyết tật về thính giác và thị giác, chưa nhận được thông tin và cảnh báo đầy đủ;
4. Từ trung ương đến địa phương, chưa triển khai công tác nâng cao nhận thức về công tác lập kế hoạch, triển khai hoạt động giảm nhẹ rủi ro thiên tai, cảnh báo sớm, phòng ngừa và xử lý tình huống rủi ro, tình trạng khẩn cấp về nhân đạo;
5. Việc thiếu dữ liệu phân tích về người khuyết tật theo loại khiếm khuyết, độ tuổi và giới tính cản trở việc đánh giá tình hình của họ và xác định hoàn cảnh của họ, gây khó khăn cho việc xây dựng các kế hoạch hỗ trợ phù hợp trong các tình huống rủi ro và khẩn cấp về nhân đạo.
6. **Nhắc lại Khung hành động Sendai về Giảm thiểu Rủi ro Thiên tai 2015 – 2030, Hướng dẫn của Ủy ban Thường trực Liên ngành về Bao gồm Người khuyết tật trong Hành động Nhân đạo và Hướng dẫn của Ủy ban về phi tập trung hóa, bao gồm trong các trường hợp khẩn cấp, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên, thông qua tham vấn chặt chẽ và sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ, đảm bảo bảo vệ và an toàn cho người khuyết tật trong các tình huống rủi ro, bao gồm:**
7. Thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo rằng người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ, hợp tác chặt chẽ với các Ủy ban chỉ đạo tỉnh để xác định và giải quyết các nhu cầu cần hỗ trợ cụ thể của người khuyết tật trong các tình huống rủi ro và tình trạng khẩn cấp nhân đạo, phù hợp với từng loại khuyết tật, và đảm bảo họ được tham gia tích cực và đầy đủ vào các cuộc thảo luận này;
8. Xác định và thực hiện các quy trình thông tin và truyền thông rõ ràng trong các tình huống rủi ro, đảm bảo rằng các nhóm mục tiêu, bao gồm cả những người khiếm thính và khiếm thị, nhận được đầy đủ thông tin và cảnh báo;
9. Thiết lập sự hợp tác với các tổ chức quốc tế để đảm bảo rằng, thông qua sự hợp tác chặt chẽ với người khuyết tật, việc nâng cao nhận thức về giảm thiểu rủi ro thiên tai được thực hiện và các tài liệu về phòng ngừa và quản lý các tình huống rủi ro và tình trạng khẩn cấp về nhân đạo dành cho người khuyết tật được cải thiện;
10. Phát triển số liệu thống kê phân theo độ tuổi, giới tính và loại khuyết tật cho những cá nhân dễ bị tổn thương nhất trong các tình huống rủi ro và khẩn cấp nhân đạo.

**Sự công nhận bình đẳng trước pháp luật (điều 12)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Bộ luật Dân sự năm 2015 (91/2015/QH13) quy định người khuyết tật về tâm thần hoặc thể chất không có năng lực thực hiện quyền của mình có thể thực hiện thông qua người đại diện hợp pháp, người giám hộ hoặc tổ chức trợ giúp pháp lý, chưa được sửa đổi;
3. Bộ luật Hình sự bao gồm các điều khoản giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với người khuyết tật phạm tội, điều này ngăn cản họ được hưởng quy trình tố tụng đúng luật, điều chỉnh thủ tục phù hợp, các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ khi bị truy tố;
4. Không có hành động nào được thực hiện để thay thế chế độ giám hộ và các hệ thống ra quyết định thay thế khác bằng các cơ chế hỗ trợ quyết định cho những người khuyết tật về tâm lý xã hội và/hoặc trí tuệ, cũng như những người tự kỷ.
5. **Nhắc lại** [**bình luận chung số 1 (2014)**](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CRPD/C/GC/1&Lang=en) **về sự công nhận bình đẳng trước pháp luật, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên, thông qua việc tham vấn chặt chẽ và sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ :**
6. Xem xét và cải cách Bộ luật Dân sự để phù hợp với Công ước và đảm bảo công nhận đầy đủ năng lực pháp lý của người khuyết tật, bao gồm các biện pháp bảo vệ có liên quan và tiếp cận hỗ trợ cần thiết để thực hiện năng lực đó, và thực hiện các bước để đưa ra các điều khoản hỗ trợ ra quyết định cho người khuyết tật;
7. Đảm bảo quy trình tố tụng hợp pháp, điều chỉnh thủ tục và hỗ trợ cho người khuyết tật khi phải đối mặt với các cáo buộc hình sự;
8. Cải cách luật pháp để bãi bỏ quyền giám hộ đối với những cá nhân khuyết tật về tâm lý xã hội, trí tuệ và tự kỷ, và thiết lập các cơ chế hỗ trợ việc ra quyết định của họ.

**Tiếp cận công lý (điều 13)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Thiếu dữ liệu phân tích về số lượng người khuyết tật đã nhận được tư vấn pháp lý, khả năng tiếp cận thực tế của các văn phòng công tố, sự sẵn có của thông tin và truyền thông, và liệu những người cung cấp dịch vụ tư pháp có được đào tạo về quyền của người khuyết tật hay không;
3. Không có thông tin về việc liệu người khuyết tật có được tuyển dụng trong lĩnh vực tiếp cận công lý hay không và nếu có thì liệu tòa án có thể tiếp cận được về mặt vật lý, có thể tiếp cận thông tin và truyền thông hay không và liệu những người lao động hiện tại có được đào tạo về các vấn đề khuyết tật hay không;
4. Việc không áp dụng các điều chỉnh thủ tục theo cách tiếp cận theo giới và độ tuổi khi người khuyết tật ra tòa;
5. Việc thiếu cân nhắc đến việc cung cấp hỗ trợ và điều chỉnh thủ tục cho những người khuyết tật trong vai trò là nhân chứng, nguyên đơn và bị đơn, cũng như việc thiếu khả năng tiếp cận trong các kỳ thi tuyển sinh vào trường luật và việc cung cấp điều chỉnh hợp lý để cho phép những người khuyết tật theo đuổi sự nghiệp luật sư;
6. Các rào cản mà người khuyết tật gặp phải khi tiếp cận đại diện pháp lý và hành chính, trợ giúp pháp lý và các dịch vụ pháp lý dành cho người khuyết tật, hạn chế khả năng tìm kiếm sự khắc phục cho hành vi phân biệt đối xử của họ.
7. **Ủy ban nhắc lại các Nguyên tắc và Hướng dẫn quốc tế về Tiếp cận Công lý cho Người khuyết tật do Báo cáo viên đặc biệt về quyền của người khuyết tật và Đặc phái viên của Tổng thư ký về Khuyết tật và Khả năng tiếp cận biên soạn năm 2020, được Ủy ban thông qua, và mục tiêu 16.3 của Mục tiêu Phát triển Bền vững và khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên :**
8. Thiết lập cơ chế thu thập dữ liệu phân theo giới tính, độ tuổi và loại khuyết tật cho những người khuyết tật cần hỗ trợ trong quá trình tố tụng, nêu chi tiết các loại hỗ trợ được cung cấp và việc theo dõi các dữ liệu;
9. Xác định và cung cấp dữ liệu về số lượng người khuyết tật làm việc trong lĩnh vực tiếp cận tư pháp, đảm bảo tòa án có thể tiếp cận được về mặt vật lý, cung cấp quyền tiếp cận thông tin và truyền thông, và đào tạo cán bộ tư pháp về quyền của người khuyết tật;
10. Phân tích và ghi chép các án liên quan đến người khuyết tật trong đó áp dụng các phương pháp tiếp cận theo giới tính, bản địa và độ tuổi, cũng như các điều chỉnh về thủ tục;
11. Đảm bảo các biện pháp thích hợp để cung cấp hỗ trợ và điều chỉnh thủ tục cho người khuyết tật trong vai trò là nhân chứng, nguyên đơn và bị đơn, và đưa ra khả năng tiếp cận trong các kỳ thi luật trước khi vào nghề và cung cấp các hỗ trợ hợp lý, cho phép người khuyết tật theo đuổi sự nghiệp luật pháp;
12. Đảm bảo quyền tiếp cận đại diện pháp lý và hành chính đầy đủ cho người khuyết tật, có tính đến các cân nhắc về giới tính và độ tuổi, để họ có thể tiếp cận công lý khi phải đối mặt với sự phân biệt đối xử.

**Tự do và an ninh của con người (điều 14)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Việc ban hành Kế hoạch Sức khỏe Tâm thần 2016-2025 và sự phù hợp của nó với các Nguyên tắc của Công ước;
3. Liệu các điều kiện trong nhà dành cho người khuyết tật, đặc biệt là những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội, cũng như những người mắc chứng tự kỷ, có đảm bảo họ không bị giam giữ cưỡng bức và thúc đẩy sự chung sống trong gia đình hay không;
4. Liệu những người khuyết tật trong nhà tù hoặc trung tâm giam giữ có nhận được mọi đảm bảo về quy trình tố tụng hợp pháp và sự hỗ trợ hợp lý mà họ yêu cầu hay không, đặc biệt là phụ nữ và người khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số.
5. **Nhắc lại các Nguyên tắc chỉ đạo về quyền tự do và an ninh của người khuyết tật và các Nguyên tắc chỉ đạo về giải thể các cơ sở chăm sóc tập trung, bao gồm trong trường hợp khẩn cấp, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
6. Thực hiện mọi biện pháp lập pháp, hành chính, chính sách và tư pháp cần thiết để đảm bảo rằng Kế hoạch Sức khỏe Tâm thần 2016-2025 phù hợp với Điều 14 của Công ước và các hướng dẫn tương ứng của Công ước;
7. Xem xét các chính sách và thông lệ tiêu chuẩn quốc gia để đảm bảo rằng những người khuyết tật, đặc biệt là những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội, cũng như những người tự kỷ, không bị giam giữ tại nhà hoặc trong tù mà không theo đúng thủ tục pháp lý;
8. Thông qua các quy định nhằm cung cấp chỗ ở hợp lý cho tất cả những người khuyết tật bị giam giữ trong các nhà tù hoặc trung tâm giam giữ, và đảm bảo rằng phụ nữ khuyết tật và người khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số trong các cơ sở như vậy nhận được sự hỗ trợ thích hợp.

**Không bị tra tấn hoặc đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục   
(điều 15)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Bất chấp các khuyến nghị từ các cơ quan điều ước như Ủy ban chống tra tấn, nơi đã bày tỏ mối quan ngại sâu sắc về các cáo buộc sử dụng rộng rãi tra tấn và các hình thức ngược đãi khác, đặc biệt là trong thời gian tạm giam trước khi xét xử, những hành vi này vẫn tiếp diễn, gây tử vong hoặc khuyết tật cho những người bị ảnh hưởng;
3. Thiếu cơ chế để nộp khiếu nại về tra tấn hoặc các hành vi ngược đãi khác đối với người khuyết tật, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, cũng như người khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số, mặc dù Nhà nước thành viên đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục khác;
4. Không có dữ liệu phân tích về tra tấn và các hành vi ngược đãi khác đối với người khuyết tật, đặc biệt là phụ nữ khuyết tật và trẻ em khuyết tật.
5. **Nhắc lại các Hướng dẫn về giải thể các cơ sở chăm sóc tập trung, bao gồm cả trong trường hợp khẩn cấp, Ủy ban khuyến nghị Nhà nước thành viên tham vấn chặt chẽ và có sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ:**
6. Đảm bảo tuân thủ các khuyến nghị của Ủy ban chống tra tấn bằng cách thiết lập một cơ chế đánh giá nghiêm ngặt để ngăn chặn mọi hành vi tra tấn hoặc ngược đãi khác, đặc biệt là đối với những cá nhân trong tù, và thực hiện các hành động công lý phục hồi cho họ;
7. Đảm bảo phổ biến rộng rãi luật pháp trong toàn dân và người khuyết tật cùng các tổ chức của họ, nâng cao nhận thức về bản chất bắt buộc của luật chống ngược đãi và tra tấn, cũng như các chế tài đối với hành vi không tuân thủ.
8. Thu thập dữ liệu phân tách về tra tấn và các hành vi ngược đãi khác đối với người khuyết tật, đặc biệt là phụ nữ khuyết tật và trẻ em khuyết tật.

**Không bị bóc lột, bạo hành và lạm dụng (điều 16)**

1. **Ủy ban lưu ý với sự quan ngại rằng:**
2. Phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật phải đối mặt với nguy cơ bạo lực giới cao hơn và bị hạn chế trong việc tiếp cận tới các dịch vụ bảo vệ, nơi trú ẩn an toàn và biện pháp pháp lý để giải quyết tình trạng bạo lực và phân biệt đối xử;
3. Thông tin chỉ ra rằng nguy cơ bị lạm dụng, đặc biệt là lạm dụng tình dục, đối với trẻ em khuyết tật cao hơn từ ba đến bốn lần so với trẻ em không khuyết tật, và thậm chí còn cao hơn ở trẻ em khiếm thính và khiếm thị và trẻ em khuyết tật về tâm lý xã hội và/hoặc trí tuệ, và các trường hợp bạo lực, lạm dụng và bóc lột trẻ em khuyết tật theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016 không được phát hiện kịp thời, bên cạnh việc giám sát và đánh giá yếu kém và không có đủ cơ chế để báo cáo những vi phạm này.
4. Việc thiếu dữ liệu cụ thể về bạo lực, sự bỏ bê và lạm dụng đối với người khuyết tật khiến chúng ta không thể hiểu đầy đủ về mức độ nghiêm trọng của vấn đề và các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, trừng phạt và áp dụng công lý phục hồi;
5. Mặc dù Điều 14 của Luật Người khuyết tật nghiêm cấm bỏ mặc và lạm dụng nhưng không có cơ chế rõ ràng để giám sát việc tuân thủ hoặc buộc người nuôi dưỡng, chăm sóc phải chịu trách nhiệm trong trường hợp họ bỏ mặc hoặc lạm dụng người được nuôi dưỡng, chăm sóc;
6. Những hạn chế trong cả luật pháp và thực tiễn thực thi, cũng như các quy định cụ thể, không giải quyết thỏa đáng vấn đề bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, và không có đủ phương thức truyền thông để giáo dục và nâng cao nhận thức về phòng ngừa và bảo vệ;
7. Mặc dù phụ nữ khuyết tật nhận được sự hỗ trợ kịp thời từ chính quyền địa phương khi bạo lực trên cơ sở giới xảy ra nhưng họ thường không biết phải đi đâu hoặc cơ quan hỗ trợ nào chịu trách nhiệm;
8. Các trung tâm công tác xã hội trong nước thiếu khả năng tiếp cận vật lý, tiếp cận thông tin và truyền thông đối với người khuyết tật, bao gồm cả qua phương tiện kỹ thuật số, và thiếu cán bộ được đào tạo để chăm sóc người khuyết tật.
9. **Nhắc lại** [**tuyên bố ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật**](https://www.ohchr.org/Documents/HRBodies/CRPD/CRPD-Statement%2025_11_2021-End-violence-against-Women.docx) **và các mục tiêu 5.1, 5.2 và 5.5 của Mục tiêu Phát triển Bền vững, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên :**
10. Đảm bảo rằng chiến lược quốc gia chống bạo lực trên cơ sở giới bao gồm các chính sách cụ thể để ngăn ngừa và đấu tranh chống bạo lực trên cơ sở giới đối với phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, bao gồm các cơ chế dễ tiếp cận để nộp khiếu nại, thực hiện từ cấp địa phương đến trung ương, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ dễ tiếp cận, nơi trú ẩn và hỗ trợ pháp lý cho nạn nhân/người sống sót;
11. Cải cách Luật Trẻ em năm 2016 để bao gồm cụ thể các biện pháp phòng ngừa bạo lực đối với trẻ em khuyết tật, bao gồm trẻ em khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số, phát hiện trường hợp, cơ chế nộp khiếu nại, theo dõi, trừng phạt và công lý cho các nạn nhân;
12. Thiết lập các hành động để thu thập dữ liệu phân theo độ tuổi, giới tính và loại khuyết tật về tình trạng bạo lực mà người khuyết tật phải đối mặt, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em khuyết tật;
13. Sửa đổi Điều 14 của Luật Người khuyết tật để bao gồm các cơ chế giám sát và theo dõi việc ngược đãi và bỏ rơi người khuyết tật, truy cứu trách nhiệm những người có trách nhiệm và thiết lập các hành động phục hồi cho nạn nhân;
14. Đảm bảo việc thành lập các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức về phòng ngừa bạo lực cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, dưới các hình thức và phương tiện truyền thông dễ tiếp cận;
15. Tăng cường đào tạo cho chính quyền địa phương để nhận biết và phát hiện sớm bạo lực giới, đồng thời phổ biến rộng rãi cho các tổ chức người khuyết tật về cơ quan hỗ trợ tại địa phương, đảm bảo tiếp cận vật lý, thông tin hiệu quả và nhân sự được đào tạo;
16. Đảm bảo các trung tâm công tác xã hội được thành lập trên toàn quốc, cung cấp khả năng tiếp cận về mặt vật lý, thông tin và truyền thông, bao gồm cả thông qua phương tiện kỹ thuật số, cùng với nhân viên được đào tạo để phục vụ người khuyết tật;

**Bảo vệ sự toàn vẹn của con người (điều 17)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Luật pháp Việt Nam yêu cầu phải có sự đồng ý đối với các thủ thuật y tế, nhưng không rõ điều này áp dụng như thế nào đối với người khuyết tật, đặc biệt là những người được giám hộ, vì không có khung pháp lý rõ ràng nào để đảm bảo rằng người khuyết tật có thể tự đưa ra quyết định y tế của mình;
3. Không đề cập rõ ràng đến các cơ chế hỗ trợ ra quyết định trong các cơ sở y tế, khiến người khuyết tật dễ bị tổn thương trước việc ra quyết định thay thế (quyền giám hộ) thay vì cho phép họ thực hiện quyền tự quyết của mình;
4. Phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật vẫn dễ bị xâm phạm quyền và sức khỏe tình dục và sinh sản, bao gồm cả việc bị triệt sản cưỡng bức và phá thai, mặc dù có chế tài cho những hành vi này;
5. Người khuyết tật, đặc biệt là những người khuyết tật về tâm lý xã hội và/hoặc trí tuệ, có nguy cơ bị giam giữ bắt buộc hoặc dùng thuốc bắt buộc trong các cơ sở điều trị tâm thần, với các biện pháp bảo vệ không rõ ràng trong việc bảo vệ quyền và toàn vẹn cơ thể của họ;
6. Mặc dù có những chế tài đối với hành vi triệt sản hoặc phá thai cưỡng bức, nhưng những chế tài này có thể không đủ sức răn đe và không có cơ chế giám sát độc lập rõ ràng để theo dõi các thủ thuật y tế liên quan đến người khuyết tật;
7. Không có cơ chế độc lập để đánh giá các trung tâm cách ly nhằm ngăn ngừa các trường hợp cưỡng bức, điều trị bắt buộc, triệt sản và phá thai mà không được sự đồng ý, cũng như không có cơ chế để nộp đơn khiếu nại, theo dõi, trừng phạt thủ phạm và bồi thường cho nạn nhân.
8. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
9. Tăng cường các biện pháp bảo vệ để đảm bảo rằng những người khuyết tật, đặc biệt là những người được giám hộ, có thể thực hiện quyền đồng thuận khi đã có thông tin đầy đủ đối với các phương pháp điều trị y tế, bao gồm cả việc cung cấp thông tin dễ tiếp cận và hỗ trợ để đưa ra quyết định về việc chăm sóc sức khỏe của họ;
10. Đưa ra các điều khoản pháp lý để thay thế việc ra quyết định thay thế bằng các khuôn khổ ra quyết định được hỗ trợ, đảm bảo rằng người khuyết tật vẫn kiểm soát được các quyết định chăm sóc sức khỏe của mình và được hỗ trợ trong việc đưa ra những lựa chọn sáng suốt;
11. Thực hiện các bước toàn diện để ngăn ngừa phụ nữ khuyết tật phải trải qua phẫu thuật triệt sản và phá thai cưỡng bức, bao gồm các chiến dịch nâng cao nhận thức, thực thi pháp luật mạnh mẽ hơn và thiết lập các cơ chế hiệu quả để theo dõi và báo cáo các hành vi vi phạm đó;
12. Đảm bảo rằng những người khuyết tật , đặc biệt là những người khuyết tật về tâm lý xã hội và/hoặc trí tuệ, không phải chịu sự ép buộc dùng thuốc trong các cơ sở điều trị tâm thần và thiết lập các biện pháp bảo vệ pháp lý rõ ràng để bảo vệ toàn vẹn cơ thể và quyền tự chủ của họ trong các cơ sở chăm sóc sức khỏe tâm thần;
13. Tăng cường thực thi pháp luật đối với các chuyên gia hoặc tổ chức y tế vi phạm toàn vẹn cơ thể của người khuyết tật, bao gồm tăng hình phạt đối với các thủ thuật y tế cưỡng bức và đảm bảo trách nhiệm giải trình đối với các hành vi vi phạm;
14. Thành lập một cơ quan giám sát độc lập để điều tra các trường hợp ép buộc y tế, điều trị cưỡng bức hoặc vi phạm quyền tự chủ của cơ thể, đảm bảo rằng người khuyết tật có quyền tiếp cận các biện pháp khắc phục hiệu quả và cơ chế giải trình.

**Tự do đi lại và quốc tịch (điều 18)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Người khuyết tật, đặc biệt là những người ở vùng nông thôn hoặc trong các cơ sở chăm sóc, gặp khó khăn trong việc xin các giấy tờ cần thiết như giấy khai sinh và thẻ căn cước công dân, ảnh hưởng đến quyền tiếp cận các quyền của họ;
3. Thủ tục nhập cư vẫn không thể tiếp cận được, hạn chế quyền tự do đi lại của người khuyết tật;
4. Những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội có thể gặp phải những hạn chế khi đi du lịch quốc tế do phân loại khuyết tật hoặc giám hộ đã lỗi thời.
5. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
6. Đảm bảo tất cả người khuyết tật đều có quyền tiếp cận bình đẳng với việc đăng ký khai sinh và giấy tờ chính thức, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa hoặc đối với những người được chăm sóc tại cơ sở;
7. Thực hiện các thủ tục xuất nhập cảnh dành cho người khuyết tật, bao gồm cả thủ tục xin thị thực và hộ chiếu dễ tiếp cận;
8. Gỡ bỏ các hạn chế về đi lại quốc tế đối với người khuyết tật, đặc biệt là những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội, đảm bảo quyền tự chủ hoàn toàn đối với việc đi lại và quyết định của họ.

**Sống độc lập và hòa nhập cộng đồng (điều 19)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Nhận thức chưa đầy đủ của xã hội và các cơ quan công quyền về quyền của người khuyết tật được sống tự lập, được lựa chọn nơi ở và được hòa nhập vào cộng đồng;
3. Tiếp tục đưa người khuyết tật vào các cơ sở chăm sóc, bao gồm cả những người khuyết tật trong các trung tâm bảo trợ xã hội ;
4. Phạm vi hạn chế của Chương trình Sống Độc lập, hiện chỉ được thí điểm ở một số tỉnh, việc tiếp cận hạn chế của những người khuyết tật về tâm lý xã hội và/hoặc trí tuệ đối với các mô hình sống độc lập và không đủ kinh phí cho các dịch vụ hỗ trợ cá nhân;
5. Việc hỗ trợ tài chính không đầy đủ dành cho người khuyết tật, không đáp ứng chi phí thực tế để sống tự lập, khiến cá nhân không thể thực hiện đầy đủ quyền sống độc lập của mình;
6. Việc thiếu hụt nhân viên công tác xã hội được đào tạo chuyên về hỗ trợ và quản lý trường hợp người khuyết tật, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, cản trở việc cung cấp hiệu quả các dịch vụ dựa vào cộng đồng.
7. Việc thiếu thực hiện quá trình giải thể các cơ sở chăm sóc tập trung.
8. **Nhắc lại** [**bình luận chung số 5 (2017)**](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CRPD/C/GC/5&Lang=en) **về việc sống độc lập và hòa nhập cộng đồng, các hướng dẫn về giải thể các cơ sở chăm sóc tập trung, kể cả trong trường hợp khẩn cấp và báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt về quyền của người khuyết tật về việc chuyển đổi các dịch vụ dành cho người khuyết tật, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên, sau khi tham vấn chặt chẽ và có sự tham gia tích cực của người khuyết tật nên :**
9. Tiến hành nâng cao nhận thức thường xuyên để nâng cao nhận thức của xã hội và chính quyền về quyền của người khuyết tật được sống độc lập, tự sắp xếp cuộc sống và được hòa nhập hoàn toàn vào cộng đồng;
10. Đảm bảo giải thể các cơ sở chăm sóc tập trung hoàn toàn bằng cách áp dụng chiến lược rõ ràng để chuyển đổi từ chăm sóc tại cơ sở sang các dịch vụ dựa vào cộng đồng, bao gồm các mục tiêu, tiêu chuẩn và khung thời gian cụ thể;
11. Mở rộng Chương trình Sống Độc lập trên toàn quốc, đảm bảo quyền tiếp cận các dịch vụ sống độc lập cho những người khuyết tật về tâm lý xã hội và/hoặc trí tuệ, bao gồm nhà ở được hỗ trợ và các dịch vụ sức khỏe tâm thần dựa vào cộng đồng, và cung cấp nguồn tài trợ bền vững cho các dịch vụ hỗ trợ cá nhân;
12. Tăng mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho người khuyết tật để phù hợp với chi phí thực tế của cuộc sống độc lập và thực hiện hệ thống điều chỉnh thường xuyên các khoản trợ cấp này có tính đến lạm phát;
13. Mở rộng số lượng nhân viên công tác xã hội được đào tạo chuyên về hỗ trợ và quản lý trường hợp người khuyết tật, đặc biệt là ở các vùng nông thôn, để đảm bảo hỗ trợ đầy đủ cho người khuyết tật sống tự lập trong cộng đồng;
14. Thúc đẩy các dịch vụ chăm sóc tại nhà và cộng đồng như là giải pháp thay thế cho việc đưa vào các cơ sở chăm sóc tập trung, và đảm bảo rằng Luật Công tác xã hội mới bảo đảm quyền được hỗ trợ cá nhân phù hợp với nhu cầu của người khuyết tật;

**Di chuyển cá nhân (điều 20)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Việc tiếp cận không gian công cộng và vỉa hè liên tục không khả thi do có các chướng ngại vật như người bán hàng rong và xe máy đỗ;
3. Các rào cản trong việc xin giấy phép lái xe cho người khuyết tật, bao gồm các quy định ảnh hưởng không cân xứng đến họ và sự hỗ trợ hạn chế cho việc mua và cải tạo xe cá nhân;
4. Chi phí cao và tính khả dụng hạn chế của các công nghệ hỗ trợ, mặc dù có các chính sách khuyến khích, và thiếu nguồn tài trợ hoặc hướng dẫn rõ ràng cho đổi mới liên quan đến khả năng tiếp cận .
5. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
6. Thực hiện các quy định để loại bỏ các chướng ngại vật trên đường đi công cộng, đảm bảo vỉa hè và không gian công cộng vẫn có thể tiếp cận được;
7. Rà soát Thông tư 24/2015 để xóa bỏ các hạn chế lái xe dựa trên khuyết tật, thay vào đó đánh giá người nộp đơn dựa trên khả năng lái xe và cung cấp các ưu đãi về tài chính và chính sách cho người khuyết tật để có được và cải tiến phương tiện cá nhân để có thể di chuyển độc lập;
8. Giới thiệu các chương trình tài trợ để hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và phân phối các công nghệ hỗ trợ với giá cả phải chăng, đảm bảo khả năng tiếp cận rộng rãi cho người khuyết tật.

**Tự do ngôn luận và ý kiến, và tiếp cận thông tin (điều 21)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Sự hạn chế trong tuân thủ với các tiêu chuẩn truy cập tiếp cận của các trang web của chính phủ và sự không đầy đủ về các nội dung có thể truy cập được, bao gồm phụ đề và phiên dịch ngôn ngữ ký hiệu trên truyền hình quốc gia;
3. Các rào cản mà người khuyết tật, đặc biệt là người khuyết thật thuộc dân tộc thiểu số và những người sống ở vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa, gặp phải khi tiếp cận thông tin công cộng và các công cụ kỹ thuật số;
4. Thiếu phiên dịch viên ngôn ngữ ký hiệu có trình độ trong các dịch vụ công như y tế, tư pháp, giáo dục và việc làm;
5. Ngôn ngữ ký hiệu Việt Nam chưa được công nhận chính thức;
6. Thiếu các cách thức và phương thức thông tin dễ tiếp cận, chẳng hạn như định dạng dễ đọc, chữ nổi, ngôn ngữ ký hiệu và các phương thức khác cho người khuyết tật;
7. Nghị định số 15/2020/NĐ-CP và 119/2020/NĐ-CP đã thiết lập các hình phạt mới và nghiêm khắc hơn so với các hình phạt đã quy định trong Bộ luật Hình sự đối với những người phát tán nội dung được phân loại là “quan điểm chính trị khác biệt” hoặc “ý thức hệ phản động” trên các nền tảng mạng xã hội, ảnh hưởng đến những người bảo vệ quyền của người khuyết tật.
8. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên, thông qua việc tham vấn chặt chẽ và sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ:**
9. Đảm bảo rằng tất cả các trang web của chính phủ và nền tảng kỹ thuật số đều có thể truy cập được, ví dụ bằng cách tuân thủ các tiêu chuẩn về khả năng truy cập, chẳng hạn như W3C/WCAG 2.2 hoặc tương đương, và yêu cầu nội dung có thể truy cập được trên tất cả các kênh truyền hình;
10. Thực hiện các chiến lược nhằm cải thiện khả năng tiếp cận thông tin công cộng, đặc biệt là ở các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa và trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, đồng thời tăng cường nhận thức và các chương trình đào tạo về các công cụ trợ năng kỹ thuật số dành cho người khuyết tật;
11. Thiết lập chương trình đào tạo chính thức và chuyên nghiệp hóa cho các thông dịch viên ngôn ngữ ký hiệu để đảm bảo họ có mặt trong bất kỳ dịch vụ công nào mà người khiếm thính cần;
12. Công nhận ngôn ngữ ký hiệu tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức;
13. Giới thiệu luật yêu cầu các tài liệu chính thức và thông tin công khai phải có sẵn ở định dạng dễ đọc cho người khuyết tật trí tuệ;
14. Sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự và các Nghị định 15/2020/NĐ-CP và 119/2020/NĐ-CP để xóa bỏ án tù đối với những người tự do bày tỏ ý kiến, xóa bỏ khái niệm “ý kiến chính trị khác biệt” hoặc “ý thức hệ phản động” cản trở những người bảo vệ quyền của người khuyết tật thực hiện quyền tự do ngôn luận, bao gồm cả những người sáng lập và thành viên các hiệp hội Thiên Chúa giáo hỗ trợ người khuyết tật phải đối mặt với sự đàn áp và trục xuất.

**Tôn trọng sự riêng tư (điều 22)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Việc chia sẻ trái phép thông tin cá nhân và y tế của người khuyết tật, đặc biệt là trong các cơ sở y tế và dịch vụ xã hội;
3. Giám sát hoặc theo dõi những người khuyết tật, đặc biệt là những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội, trong các cơ sở chăm sóc, mà không có sự đồng ý;
4. Rủi ro về quyền riêng tư kỹ thuật số, bao gồm việc sử dụng trái phép dữ liệu và hình ảnh cá nhân, cũng như khai thác hoặc lạm dụng trực tuyến;
5. Sử dụng trái phép hình ảnh và câu chuyện cá nhân của người khuyết tật cho mục đích gây quỹ;
6. Các hoạt động thu thập dữ liệu trong các tổ chức và dịch vụ công có thể vi phạm quyền bảo vệ quyền riêng tư;
7. Việc đàn áp các tổ chức đấu tranh cho quyền của người khuyết tật.
8. **44. Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
9. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn việc tiết lộ trái phép hồ sơ cá nhân và hồ sơ y tế, đảm bảo bảo vệ quyền riêng tư trong mọi bối cảnh;
10. Đảm bảo rằng việc theo dõi và giám sát những người khuyết tật trong các cơ sở chăm sóc tuân thủ các biện pháp bảo vệ pháp lý;
11. Tăng cường bảo vệ quyền riêng tư kỹ thuật số cho người khuyết tật, bao gồm các biện pháp chống khai thác trực tuyến và chia sẻ dữ liệu trái phép;
12. Ngăn chặn việc sử dụng trái phép hình ảnh và câu chuyện cá nhân cho mục đích gây quỹ hoặc quảng cáo;
13. Đảm bảo rằng các hoạt động thu thập dữ liệu tôn trọng quyền riêng tư và cho phép người khuyết tật kiểm soát cách thông tin cá nhân của họ được sử dụng;
14. Ngừng đàn áp các nền tảng kỹ thuật số bảo vệ quyền của người khuyết tật và không sử dụng luật chống khủng bố để nhằm vào các tổ chức này một cách không công bằng.

**Tôn trọng tổ ấm và gia đình (điều 23)**

1. **Ủy ban lưu ý với quan ngại:**
2. Việc cơ quan Nhà nước không đánh giá định kỳ các gia đình nuôi dưỡng để đánh giá các điều kiện mà họ nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật và nhu cầu của các em;
3. Việc thiếu sự hỗ trợ cụ thể cho những người khuyết tật muốn kết hôn và sinh con, và việc thiếu đào tạo có hệ thống về quyền tình dục và sinh sản cũng như sức khỏe cho những người khuyết tật;
4. Việc thiếu tư vấn đầy đủ về xét nghiệm di truyền, có thể ép buộc những người khuyết tật cân nhắc phá thai nếu họ muốn sinh con bị khuyết tật.
5. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
6. Thiết lập cơ chế đánh giá và theo dõi các gia đình có trẻ em khuyết tật và các gia đình nuôi dưỡng, đảm bảo sự hòa nhập của các em vào cuộc sống gia đình và cộng đồng và xác định nhu cầu của các em về hỗ trợ tài chính, tư vấn hoặc hỗ trợ khác;
7. Đảm bảo rằng người khuyết tật có quyền tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ cần thiết để thực hiện hiệu quả vai trò làm cha mẹ của mình và cung cấp giáo dục có hệ thống về sức khỏe sinh sản và tình dục cũng như quyền cho những người trẻ khuyết tật;
8. Đi kèm với các xét nghiệm di truyền được cung cấp cho người dân nói chung, và đặc biệt là cho những người khuyết tật, cần có tư vấn phù hợp và đảm bảo rằng cha mẹ có quyền tự đưa ra quyết định mà không bị ép buộc.

**Giáo dục (điều 24)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Việc duy trì hệ thống các cơ sở giáo dục đặc biệt tách biệt dành cho tất cả trẻ em khuyết tật, đặc biệt là những trẻ cần mức hỗ trợ cao hơn và người khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số;
3. Thiếu các kế hoạch toàn diện về khả năng tiếp cận và các điều chỉnh hợp lý cũng như tài liệu giáo dục ở mọi cấp độ dành cho học sinh khuyết tật có nhu cầu hỗ trợ đa dạng;
4. Hạn chế về đào tạo cho giáo viên, nhân viên công tác xã hội và cán bộ trường học về các loại khuyết tật khác nhau, các hỗ trợ hợp lý và các chiến lược để tạo ra môi trường học tập hòa nhập và công bằng, không có bắt nạt và các hình thức bạo lực khác;
5. Thiếu giáo viên là người khuyết tật ở các trường chính thống;
6. Việc thiếu khả năng tiếp cận vật lý và thông tin và truyền thông ở các trường học chính thống, gây cản trở việc hòa nhập giáo dục.
7. **Nhắc lại** [**bình luận chung số 4 (năm 2016)**](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CRPD/C/GC/4&Lang=en) **về quyền được giáo dục hòa nhập và mục tiêu 4.5 và 4.a của Mục tiêu phát triển bền vững, sau khi tham vấn chặt chẽ và có sự tham gia tích cực của các tổ chức của người khuyết tật, người học khuyết tật và gia đình của họ, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên :**
8. Phê duyệt, thực hiện và giám sát các chính sách về giáo dục toàn diện và chất lượng ở mọi cấp độ trên toàn quốc, xóa bỏ các cơ sở giáo dục đặc biệt tách biệt, đặc biệt tập trung vào thành viên của cộng đồng dân tộc thiểu số và những người sống ở vùng sâu vùng xa và nông thôn;
9. Áp dụng chiến lược giúp các trường học và các cơ sở giáo dục khác dễ tiếp cận hơn bằng cách cung cấp tài liệu giáo dục dễ tiếp cận và sử dụng công nghệ phù hợp, đồng thời cung cấp các điều chỉnh hợp lý, bao gồm thông qua hỗ trợ trong lớp học;
10. Đảm bảo rằng giáo viên được đào tạo về các kỹ thuật giáo dục hòa nhập ở mọi cấp độ, bao gồm ngôn ngữ ký hiệu và các hình thức thông tin và truyền thông dễ tiếp cận khác;
11. Tuyển dụng giáo viên là người khuyết tật vào các trường học chính quy;
12. Thông qua một kế hoạch quốc gia nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận vật lý và tiếp cận thông tin và truyền thông trong các cơ sở giáo dục chính thống ở mọi cấp học.

**Sức khỏe (điều 25)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Thiếu khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng của các cơ sở y tế, xe cứu thương, thiết bị và tiếp cận thông tin trong các chương trình y tế và truyền thông cho người khuyết tật, bao gồm cả bằng ngôn ngữ gốc của họ, tại các phòng khám đa khoa và bệnh viện;
3. Thiếu đào tạo đầy đủ và thường xuyên cho nhân viên y tế và bán y tế về cách tương tác với người khuyết tật, bao gồm cả người khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số;
4. Báo cáo từ phụ nữ khuyết tật về việc họ phải chịu thái độ tiêu cực, vô cảm và không ủng hộ từ các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ trong thời kỳ mang thai;
5. Việc không tiếp cận được các dịch vụ, thông tin và giáo dục về sức khỏe sinh sản cho phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, đặc biệt là những người khuyết tật về giác quan và trí tuệ, hạn chế khả năng thực hiện các quyền tình dục và sinh sản của họ;
6. Những rào cản đáng kể mà người khuyết tật, đặc biệt là trẻ em khuyết tật, phải đối mặt, sống ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa và trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, trong việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe kịp thời, bao gồm phục hồi chức năng và công nghệ hỗ trợ;
7. Quy định cụ thể trong Luật Người khuyết tật năm 2010 rằng chỉ những người “khuyết tật nặng hoặc rất nặng” mới được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí và được hoàn trả toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh,
8. Tỷ lệ có việc làm của người khuyết tật thấp, dẫn đến chỉ có một tỷ lệ nhỏ người khuyết tật có nhu cầu hỗ trợ trung bình đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc dựa trên việc làm, được người sử dụng lao động tài trợ một phần;
9. Tác hại nghiêm trọng cho nông dân do việc tưới cây trồng bằng thuốc trừ sâu, dẫn đến tỷ lệ mù lòa cao trong cộng đồng người Khmer Krom;
10. Việc thiếu các dịch vụ can thiệp tâm lý dành cho những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội được bảo hiểm y tế chi trả và việc không công nhận tự kỷ là một dạng khuyết tật.
11. **Nhắc lại mục tiêu 3.7 và 3.8 của Mục tiêu Phát triển Bền vững, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên, thông qua tham vấn chặt chẽ và sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ:**
12. Đảm bảo rằng các phòng khám đa khoa và bệnh viện cung cấp thông tin và định dạng truyền thông dễ tiếp cận cho người khuyết tật, bao gồm cả bằng ngôn ngữ gốc của họ, và thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo phạm vi bảo hiểm y tế toàn diện cho tất cả người khuyết tật, bao gồm cả người dân tộc thiểu số, bất kể tình trạng việc làm của họ, và cung cấp các dịch vụ dễ tiếp cận, giá cả phải chăng và phù hợp với văn hóa;
13. Đảm bảo các chuyên gia y tế được đào tạo và giáo dục về nhu cầu và cách điều trị cho người khuyết tật, đặc biệt là về chăm sóc sức khỏe bà mẹ cho phụ nữ khuyết tật và người khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số;
14. Triển khai các chương trình đào tạo toàn diện cho các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ nhằm thúc đẩy thái độ tích cực, nhạy cảm và hỗ trợ đối với phụ nữ khuyết tật, bao gồm cả phụ nữ khuyết tật thuộc dân tộc thiểu số, trong thời kỳ mang thai của họ;
15. Đảm bảo quyền tiếp cận đầy đủ các dịch vụ, thông tin và giáo dục về sức khỏe tình dục và sinh sản cho phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em gái thuộc dân tộc thiểu số, thông qua các hình thức phù hợp với nhu cầu của những người khuyết tật về giác quan, trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội;
16. Đảm bảo cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật, đặc biệt là trẻ em khuyết tật sống ở vùng nông thôn, vùng xa xôi và trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, có thể tiếp cận được về mặt vật lý, có nhân viên được đào tạo;
17. Sửa đổi Luật Người khuyết tật năm 2010 để đảm bảo tất cả người khuyết tật đều nhận được thẻ bảo hiểm y tế miễn phí và được hoàn trả đầy đủ chi phí khám và điều trị y tế;
18. Sửa đổi luật để cho phép tất cả những người khuyết tật thất nghiệp được tiếp cận chương trình bảo hiểm y tế tự nguyện do chính phủ trợ cấp và giảm mức hiện tại, chiếm 20% thu nhập bình quân đầu người hàng tháng trên toàn quốc;
19. Tăng cường nỗ lực loại bỏ việc sử dụng thuốc trừ sâu trên đồng ruộng, áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với những người tiếp tục phân phối và sử dụng thuốc trừ sâu, đồng thời thiết lập các biện pháp phòng ngừa và điều trị, cũng như bồi thường cho người dân Khmer Krom bị ảnh hưởng và bị mù do sử dụng thuốc trừ sâu;
20. Đảm bảo rằng bảo hiểm y tế chi trả cho các can thiệp tâm lý cho những người khuyết tật về trí tuệ và/hoặc tâm lý xã hội, và đảm bảo rằng tự kỷ được chính thức công nhận là một dạng khuyết tật và được bảo hiểm y tế quốc gia chi trả.

**Phát triển chức năng và Phục hồi chức năng (Điều 26)**

1. **Mặc dù Nhà nước thành viên báo cáo có nhiều trung tâm phục hồi chức năng trên khắp cả nước, Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Tỷ lệ người khuyết tật đến các trung tâm phục hồi chức năng rất hạn chế, chỉ có 1,2% tổng số người đến các trung tâm phục hồi chức năng vào năm 2016;
3. Những người đồng thời mù và điếc không nhận được sự hỗ trợ cần thiết để giao tiếp và do đó không thể hòa nhập vào giáo dục, việc làm và có cuộc sống độc lập, có việc làm và tham gia xã hội một cách tích cực.
4. Trọng tâm của đào tạo cho các chuyên gia phục hồi chức năng chủ yếu là vật lý trị liệu;
5. Các thiết bị chỉnh hình, chân tay giả, máy trợ thính và thiết bị hỗ trợ di chuyển không nằm trong danh mục được bảo hiểm y tế chi trả;
6. Trong 50 năm qua, hàng chục ngàn cựu chiến binh khuyết tật chỉ nhận được sự hỗ trợ tài chính từ các tổ chức từ thiện của người Việt Nam ở nước ngoài chứ không phải từ chính phủ.
7. **Nhắc lại mối liên hệ giữa điều 26 của Công ước và mục tiêu 3.7 của Mục tiêu Phát triển Bền vững, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên :**
8. Đảm bảo rằng người khuyết tật và các tổ chức đại diện cho họ nhận được thông tin rõ ràng và toàn diện về các dịch vụ phục hồi chức năng có sẵn trong cộng đồng của họ, tạo điều kiện thuận lợi cho họ đăng ký và tiếp cận các dịch vụ này;
9. Sửa đổi luật pháp quốc gia để đảm bảo rằng các dịch vụ phục hồi chức năng được bảo hiểm y tế chi trả cho mọi người khuyết tật, bất kể tình trạng việc làm của họ;
10. Sửa đổi Luật Người khuyết tật để giải quyết cụ thể cho những người cùng lúc mù và điếc, bảo đảm cung cấp các phương tiện tài chính, phương tiện giao tiếp, giáo dục, việc làm và hòa nhập xã hội phù hợp;
11. Phân phối thông tin toàn diện cho sinh viên trình độ trung cấp về các cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực trị liệu nghề nghiệp, giải trí và ngôn ngữ, khuyến khích họ cân nhắc các lĩnh vực này cùng với vật lý trị liệu;
12. Sửa đổi luật để đưa chỉnh hình, chân tay giả, máy trợ thính và thiết bị hỗ trợ di chuyển vào danh mục các mặt hàng được hoàn trả theo các chương trình bảo hiểm y tế ;
13. Tiến hành điều tra dân số về cựu chiến binh khuyết tật và đảm bảo họ nhận được các dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ tài chính từ chính phủ.

**Công việc và việc làm (điều 27)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Nhà nước thành viên tiếp tục đào tạo người khuyết tật trong các hoạt động như liệu pháp xoa bóp, bảo trì máy tính và sản xuất thủ công, chủ yếu cung cấp các môn học chuyên môn “phù hợp” với loại khiếm khuyết của họ;
3. Số lượng người khuyết tật được đào tạo nghề đầy đủ vẫn còn khiêm tốn do thiếu thông tin về các chương trình ở một số cộng đồng và thiếu chuyên gia;
4. Tỷ lệ từ chối đơn xin việc của người khuyết tật khá cao, ở mức 53%.
5. **Nhắc lại bình luận chung số 8 (2022) và phù hợp với mục tiêu 8.5 của Mục tiêu Phát triển Bền vững, Ủy ban khuyến nghị rằng, Nhà nước thành viên, sau khi tham vấn chặt chẽ và với sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ:**
6. Đảm bảo rằng người khuyết tật được hướng nghiệp dựa trên mong muốn và khả năng của chính họ, giúp họ có thể cạnh tranh để có được việc làm trong thị trường lao động;
7. Cung cấp đào tạo nghề đầy đủ cho người khuyết tật bởi đội ngũ nhân viên được đào tạo ở cả cấp thành thị và nông thôn, đảm bảo sự hòa nhập của người khuyết tật từ các cộng đồng bản địa và dân tộc thiểu số;
8. Thiết lập cơ chế giám sát chặt chẽ để ngăn chặn các bộ ngành và công ty tư nhân từ chối tuyển dụng người khuyết tật;

**Mức sống đầy đủ và bảo trợ xã hội (điều 28)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Người khuyết tật không được hưởng lợi hoặc không có tiến triển được báo cáo theo Chương trình quốc gia về giảm nghèo bền vững và Kế hoạch quốc gia về xây dựng nông thôn mới dựa trên các chỉ số cụ thể đã xây dựng ;
3. Thiếu sự phổ biến về số lượng người khuyết tật đã nhận được thông tin và các chế độ trợ cấp theo luật định về miễn, giảm giá thuê, mua nhà ở xã hội và số lượng người đã được hưởng các chính sách nhà ở xã hội;
4. Người khuyết tật vẫn được phân loại theo mô hình phúc lợi trước Công ước, dẫn đến chỉ một phần trong số họ được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và thẻ bảo hiểm y tế miễn phí;
5. Người khuyết tật không được đưa vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch Việc làm và Xã hội giai đoạn 2021-2025.
6. **Nhắc lại mối liên hệ giữa điều 28 của Công ước và mục tiêu 10.2 của Mục tiêu Phát triển Bền vững, nhằm trao quyền và thúc đẩy hòa nhập kinh tế cho tất cả mọi người, bất kể tình trạng khuyết tật, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên :**
7. Đảm bảo rằng người khuyết tật được hưởng Chương trình quốc gia về giảm nghèo bền vững và Kế hoạch quốc gia về phát triển nông thôn mới, sử dụng các chỉ số được xây dựng cho mục đích này, và dữ liệu phân tách đó được phổ biến cho những người ra quyết định, công chúng nói chung và các tổ chức của người khuyết tật;
8. Đảm bảo rằng người khuyết tật nhận được thông tin chính xác, theo những cách thức và phương tiện dễ tiếp cận, về khả năng miễn hoặc giảm giá thuê hoặc mua nhà ở công cộng và chính sách nhà ở xã hội, và thu thập dữ liệu phân tích về số lượng người khuyết tật được hưởng lợi từ các chương trình này;
9. Xem xét sự thay đổi mô hình của Công ước theo hướng tiếp cận nhân quyền, thực hiện các chương trình sao cho tất cả người khuyết tật, bất kể nhu cầu hỗ trợ của họ, đều có thể được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và thẻ bảo hiểm y tế miễn phí;
10. Đảm bảo rằng người khuyết tật được đưa vào Kế hoạch 5 năm về Phát triển Kinh tế và Xã hội và Kế hoạch Việc làm và Xã hội giai đoạn 2021-2025.

**Tham gia vào đời sống chính trị và công cộng (điều 29)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Người khuyết tật không có khả năng bỏ phiếu vì lý do khuyết tật phải nhờ người khác bỏ phiếu thay;
3. Các thủ tục bỏ phiếu, điểm bỏ phiếu và thông tin liên quan đến bầu cử thường không thể tiếp cận được, hạn chế sự tham gia chính trị và bầu cử của người khuyết tật;
4. Không có dữ liệu về người khuyết tật giữ chức vụ công và thực hiện chức năng công;
5. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên :**
6. Đảm bảo rằng tất cả những người khuyết tật, bất kể mức độ nhu cầu hỗ trợ của họ, đều được cung cấp sự hỗ trợ cần thiết để thực hiện quyền bỏ phiếu và ứng cử của mình;
7. Thực hiện các bước cụ thể để đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ các cuộc bầu cử, bao gồm việc đảm bảo các điểm bỏ phiếu, tài liệu bỏ phiếu và các quy trình chính trị có thể tiếp cận đầy đủ đối với tất cả người khuyết tật và tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia vào các đảng phái chính trị, đảm bảo họ có cơ hội ứng cử vào các chức vụ được bầu;
8. Thu thập dữ liệu về những người có người khuyết tật giữ chức vụ trong bộ máy nhà nước và thực hiện chức năng công.

**Tham gia vào đời sống văn hóa, vui chơi, giải trí và thể thao (Điều 30)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Thiếu thông tin và truyền thông về khả năng tiếp cận vật lý và thiếu khả năng tiếp cận vật lý của rạp chiếu phim, nhà hát, thư viện, bãi biển, khách sạn và các địa điểm giải trí và văn hóa;
3. Việc thiếu sự tham gia của người khuyết tật vào các địa điểm giải trí, văn hóa và việc làm, chẳng hạn như hướng dẫn viên du lịch và người điều hành du lịch.
4. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên, thông qua việc tham vấn chặt chẽ và sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ:**
5. Thiết lập một chương trình toàn diện để đảm bảo thông tin và truyền thông về khả năng tiếp cận vật lý và thực hiện khả năng tiếp cận vật lý tại các rạp chiếu phim, nhà hát, thư viện, bãi biển, khách sạn và các địa điểm giải trí và văn hóa;
6. Đào tạo cho những người khuyết tật muốn theo đuổi các hoạt động như diễn xuất, ca hát, hướng dẫn viên du lịch, quản lý văn hóa, v.v.
7. Nghĩa vụ cụ thể (điều 31-33)

**Thống kê và thu thập dữ liệu (điều 31)**

1. **Ủy ban quan tâm đến:**
2. Việc thiếu một hệ thống thu thập dữ liệu phân tách và các chỉ số thống nhất trên toàn quốc gia liên quan đến quyền con người của người khuyết tật và xác định những rào cản trong việc họ thực hiện các quyền đó;
3. Thực tế là kết quả của Nghiên cứu quốc gia đầu tiên về Người khuyết tật được lập vào năm 2016 chưa được phổ biến rộng rãi và chưa được cập nhật, và luật pháp, chính sách và chương trình chưa được điều chỉnh hoặc cải cách theo kết quả của nghiên cứu đó.
4. **Ủy ban** **khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
5. Sử dụng bộ câu hỏi ngắn của Nhóm Washington về Thống kê Người khuyết tật theo chức năng và chỉ số chính sách về sự hòa nhập và trao quyền cho người khuyết tật của Ủy ban Hỗ trợ Phát triển của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, thúc đẩy tính toàn diện và cải thiện hệ thống thu thập dữ liệu về người khuyết tật, với dữ liệu được phân tách theo độ tuổi, giới tính, giới tính, dân tộc, vị trí thành thị hoặc nông thôn và tình trạng di cư, tị nạn hoặc xin tị nạn (CRPD/AZE/CO/2-3; CRPD/C/MRT/CO/1; CRPD/PRY/CO/2-3);
6. Phổ biến rộng rãi kết quả khảo sát đến những người ra quyết định, toàn thể dân chúng và các tổ chức của người khuyết tật bằng những cách thức và phương tiện dễ tiếp cận, đồng thời cập nhật kết quả khảo sát cho đến thời điểm hiện tại;

**Hợp tác quốc tế (điều 32)**

1. **Ủy ban quan tâm đến**
2. Việc thiếu rõ ràng về cách thức người khuyết tật được tham gia vào việc quyết định cách thức phân bổ kinh phí hợp tác quốc tế cho các chương trình hỗ trợ người khuyết tật;
3. **Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
4. Áp dụng các biện pháp cụ thể để đảm bảo sự tham vấn chặt chẽ và sự tham gia tích cực của người khuyết tật, thông qua các tổ chức đại diện của họ, vào các chương trình và thỏa thuận hợp tác quốc tế, đặc biệt là trong việc thực hiện và giám sát Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững và các Mục tiêu Phát triển bền vững ở mọi cấp độ;
5. Thực hiện các biện pháp tăng cường hợp tác để thực hiện Tuyên bố Jakarta về Thập kỷ Người khuyết tật Châu Á và Thái Bình Dương (2023–2032) và Chiến lược Incheon để "Biến quyền thành hiện thực" cho người khuyết tật ở Châu Á và Thái Bình Dương.
6. Đưa chỉ số chính sách về hòa nhập và trao quyền cho người khuyết tật của Ủy ban Hỗ trợ Phát triển của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thành một công cụ để đảm bảo cách tiếp cận khuyết tật được đưa vào tất cả các biện pháp hợp tác quốc tế.

**Thực hiện và giám sát quốc gia (điều 33)**

1. **Ủy ban quan ngại rằng:**
2. Thiếu tính rõ ràng về sự tham gia và hỗ trợ cho sự tham gia của người khuyết tật và các tổ chức đại diện của họ trong Ủy ban Quốc gia về Người khuyết tật, cơ quan quốc gia chịu trách nhiệm điều phối, thực hiện và giám sát Công ước;
3. Nhà nước thành viên chưa chỉ định một cơ chế độc lập để giám sát việc thực hiện Công ước theo yêu cầu của Điều 33, đoạn 2 của Công ước.
4. **Nhắc lại các hướng dẫn của mình** [**về khuôn khổ giám sát độc lập và sự tham gia của họ vào công việc của Ủy ban**](http://www.un.org/en/ga/search/view_doc.asp?symbol=CRPD/C/1/Rev.1)**, Ủy ban khuyến nghị rằng Nhà nước thành viên:**
5. Đảm bảo rằng những người khuyết tật và các tổ chức đại diện của họ được mời tham gia và nhận được sự hỗ trợ cần thiết cho sự tham gia của họ vào Ủy ban Quốc gia về Khuyết tật và giám sát Công ước.
6. Thiết lập một cơ chế giám sát độc lập theo các nguyên tắc liên quan đến Quy chế của các thể chế quốc gia về thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền (Nguyên tắc Paris), đảm bảo sự tham gia của người khuyết tật thông qua các tổ chức đại diện của họ.

IV. Theo dõi

**Phổ biến thông tin**

1. Ủy ban nhấn mạnh tầm quan trọng của tất cả các khuyến nghị có trong các nhận xét kết luận này. Liên quan đến các biện pháp phải được thực hiện ngay, Ủy ban mong muốn Nhà nước thành viên chú ý đến các khuyến nghị nêu trong đoạn 6 về sự tham gia của người khuyết tật, bao gồm cả trẻ em khuyết tật, thông qua tổ chức đại diện của họ, trong việc thực hiện và giám sát thực hiện Công ước, đoạn 24 về sự công nhận bình đẳng trước pháp luật và đoạn 42 về tự do biểu đạt, tự do chính kiến và tiếp cận thông tin.
2. Ủy ban yêu cầu Nhà nước thành viên thực hiện các khuyến nghị có trong các nhận xét kết luận hiện tại. Ủy ban khuyến nghị Nhà nước thành viên chuyển các nhận xét kết luận để xem xét và hành động tới các thành viên của Chính phủ và Quốc hội, các viên chức trong các bộ có liên quan, chính quyền địa phương và các thành viên của các nhóm chuyên môn có liên quan, chẳng hạn như giáo dục, chuyên gia y tế và pháp lý, cũng như tới các phương tiện truyền thông, sử dụng các chiến lược truyền thông xã hội hiện đại.
3. Ủy ban khuyến khích mạnh mẽ Nhà nước thành viên thu hút sự tham gia các tổ chức xã hội dân sự, đặc biệt là các tổ chức của người khuyết tật, vào việc chuẩn bị báo cáo định kỳ.
4. Ủy ban yêu cầu Nhà nước thành viên phổ biến rộng rãi các quan sát kết luận hiện tại, bao gồm cả tới các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức của người khuyết tật, và bản thân người khuyết tật và các thành viên trong gia đình họ, bằng ngôn ngữ quốc gia và ngôn ngữ thiểu số, bao gồm ngôn ngữ ký hiệu, và ở các định dạng dễ tiếp cận, bao gồm cả Dễ đọc, và công bố trên trang web của chính phủ về nhân quyền.
5. Báo cáo định kỳ tiếp theo

Về nguyên tắc, các báo cáo thứ hai, thứ ba và thứ tư kết hợp phải được nộp vào ngày 5 tháng 3 năm 2033, theo thủ tục báo cáo đơn giản hóa. Ủy ban sẽ thiết lập và thông báo ngày nộp chính xác của các báo cáo định kỳ kết hợp của Nhà nước thành viên theo lịch trình rõ ràng và được quy định trong tương lai để các Nhà nước thành viên báo cáo (xem A/RES/79/165, đoạn 6) và sau khi thông qua danh sách các vấn đề và câu hỏi trước khi báo cáo cho Nhà nước thành viên. Các báo cáo định kỳ tiếp theo kết hợp phải bao gồm toàn bộ giai đoạn tính đến thời điểm nộp.

1. \* Được Ủy ban thông qua tại kỳ họp thứ ba mươi hai (3–21 tháng 3 năm 2025).

   1 CRPD/C/VNM/1

   2 Xem CRPD/C/SR.764 và CRPD/C/SR.765

   3 CRPD/C/VNM/Q/1 [↑](#footnote-ref-2)